

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 XÃ THANH XƯƠNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2023-2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học số 1 xã Thanh Xương
Thanh Xương Primary School

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử.

Địa chỉ trụ sở chính: Đội 17 – xã Thanh Xương – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 02153954037

Email: so1thanhxuong@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <https://thso1thanhxuong.huyendienbien.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng:

Cung cấp một môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho học sinh.
Giúp học sinh phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, đạo đức và tình cảm.
Chuẩn bị nền tảng vững chắc cho học sinh tiếp tục học tập ở bậc trung học cơ sở.

4.2. Tầm nhìn:

Trở thành một trường tiểu học uy tín trong khu vực, cung cấp chất lượng giáo dục tốt nhất.

Giáo dục các em học sinh trở thành công dân toàn diện, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Thúc đẩy sự sáng tạo, khám phá và học tập chủ động của học sinh.

4.3. Mục tiêu:

Cung cấp chương trình giảng dạy cân bằng, hiện đại và liên quan đến cuộc sống.
Xây dựng môi trường học tập tích cực, thân thiện và hỗ trợ sự phát triển của mỗi học sinh.

Trang bị cho học sinh những kỹ năng cần thiết như giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy phê phán và học tập suốt đời.

Khuyến khích sự tham gia tích cực của cha mẹ và cộng đồng vào việc giáo dục các em.

Liên tục cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập thông qua nghiên cứu và đào tạo giáo viên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Lịch sử hình thành:

Trường Tiểu học Số 1 xã Thanh Xương - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 1997 theo Quyết định số 664/QĐ-UB-TC của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) về việc tách trường Phổ

thông cơ sở xã Thanh Xương thành trường Phổ thông trung học cơ sở xã Thanh Xương và trường Tiểu học xã Thanh Xương.

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Tháng 14 năm 2018 Trường tiểu học số 1 xã Thanh Xương được UBND tỉnh công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; Cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ nghiệp vụ quản lý và chuyên môn vững vàng luôn tâm huyết với nghề, nghiêm túc chấp hành quy chế chuyên môn, sáng tạo trong công việc là nền tảng vững chắc góp phần to lớn cho sự phát triển mạnh mẽ của nhà trường cũng như của địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Hoàng Ngọc Vĩnh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học số 1 xã Thanh Xương – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0948217708

Email: hoangvinh1975@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

theo Quyết định số 664/QĐ-UB-TC của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) về việc tách trường Phổ thông cơ sở xã Thanh Xương thành trường Phổ thông trung học cơ sở xã Thanh Xương và trường Tiểu học xã Thanh Xương.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc thành lập Hội đồng Trường Tiểu học số 1 xã Thanh Xương nhiệm kỳ 2022-2027.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định số 3071/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý. Bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 1 xã Thanh Xương đối với ông Hoàng Ngọc Vĩnh, kể từ ngày 01/11/2019. Thời gian giữ chức vụ được bổ nhiệm lại là 5 năm.

Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học số 1 xã Thanh Xương. Bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học số 1 xã Thanh Xương đối với bà Nguyễn Thị Thanh Lan. Thời gian giữ chức vụ được bổ nhiệm lại là 5 năm, kể từ ngày 01/10/2021.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Cơ cấu tổ chức:

Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Hội đồng trường: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, đại diện giáo viên, phụ huynh học sinh, đại diện địa phương

Tổ chuyên môn: Tổ 1, Tổ 2+3, Tổ 4+5; Tổ hành chính.

Chức năng:

Thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo trẻ em ở độ tuổi tiểu học.

Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện để hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho học sinh.

Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục quốc gia.

Nhiệm vụ:

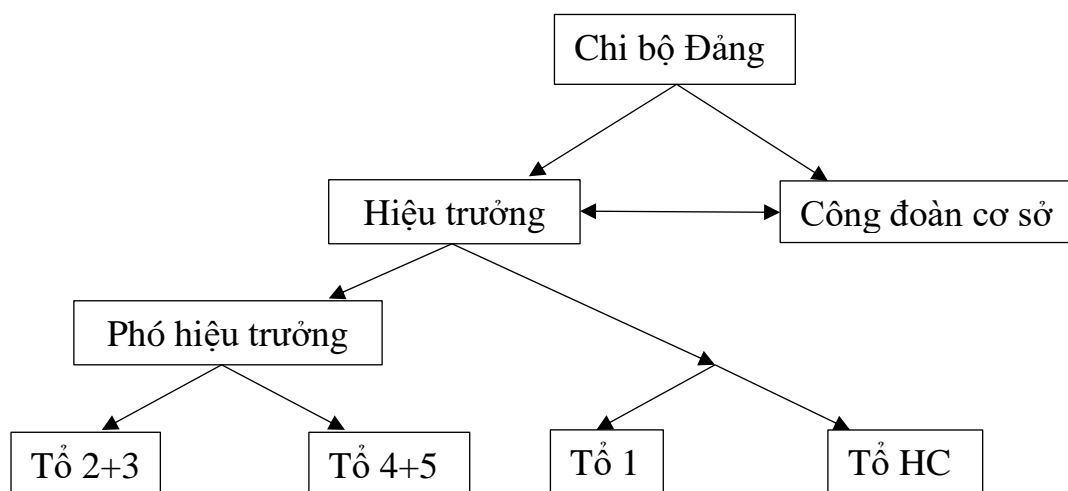
Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục.
 Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.
 Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
 Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục.
 Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn:

Quyết định tổ chức, hoạt động của nhà trường theo quy định.
 Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tài chính được giao.
 Quyết định công tác tổ chức cán bộ, nhân sự của nhà trường.
 Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế.
 Khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
 Khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục và triển khai các biện pháp cải thiện chất lượng.
 Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thống kê đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

Thống kê theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo, đạt chuẩn nghề nghiệp.

TT	Đội ngũ CBQL, GV	Số lượng	Trình độ			Chuẩn nghề nghiệp		
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Tốt	Khá	Đạt
1	VTVL lãnh đạo quản lý	2	2			2		
	Hiệu trưởng	1	1			1		
	Phó hiệu trưởng	1	1			1		
2	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
	Giáo viên tiểu học hạng I	0	0					
	Giáo viên tiểu học hạng II	10	10			9	1	
	Giáo viên tiểu học hạng III	7	7			4	2	1

	Giáo viên tiểu học hạng IV	0					
3	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung						
	Thư viện viên hạng II	1	1				
	Kế toán viên trung cấp	1			1		
	Y sĩ hạng IV	1			1		

Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Cán bộ quản lý: $2/2 = 100\%$ hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

Giáo viên: $18/18 = 100\%$ hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính (Trung tâm)	Đội 17 – xã Thanh Xương – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên	12.202.3	2176
2	Điểm trường Pú Tầu	Bản Pú Tầu – xã Thanh Xương – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên	1.246.9	150
Tổng cộng			13.446.2	2.326

Tất cả các hạng mục công trình có diện tích đều lớn hơn so với quy định ban hành kèm Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2. Các hạng mục khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi...

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Diện tích theo quy định	Số phòng/khu	Diện tích các hạng mục hiện có (ghi rõ diện tích của từng hạng mục hiện có của nhà trường)
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	Tổng diện tích không nhỏ hơn 40m ² /phòng	11	48m ² /phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	50 m ²

1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	68.2m ²
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	42.0m ²
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	49.1m ²
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	49.1m ²
1.7	Phòng đa chức năng	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	250m ²
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường	01	75m ²
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng		01	35m ²
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng		01	24,3m ²
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m ² /học sinh		01	36,2m ²

2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	Trường hợp kết hợp với Phòng Đội Thiếu niên, diện tích tối thiểu 54m ² /phòng	01	36.2m ²
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người		01	36.2m ²
3.2	Phòng Y tế trường học	24m ² /phòng		01	16m ²
3.3	Nhà kho	48m ² /kho		01	m ²
3.4	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp	Số lượng xe được tính từ 20% đến 35% tổng số học sinh toàn trường	02	210m ²
3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh		02	m ²
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh		03	4320m ²
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh		01	500m ²
4.3	Nhà đa năng	-		01	250m ²

3. Số thiết bị dạy học hiện có

STT	Tên Thiết bị	Số lượng
Thiết bị lớp 1		
1	Bộ TH Toán - Tiếng việt dành cho học sinh	52
2	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	10
3	Bộ thiết bị dạy phép tính	10
4	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	20

5	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	10
6	Bộ mẫu chữ viết	5
7	Bộ chữ dạy tập viết	5
8	Bộ chữ học vần biểu diễn	5
9	Bộ Toán - Tiếng việt giáo viên	4
10	Video dạy các chữ thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt	2
11	Mô hình đồng hồ	4
12	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	21
13	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	6
14	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	6
15	Bộ tranh: Về phòng tránh xâm hại	6
16	Bộ tranh: Nghiêm trang khi chào cờ	2
17	Bộ tranh: Yêu gia đình (GV)	3
18	Bộ tranh: Yêu gia đình (HS)	10
19	Bộ tranh: Thật thà	15
20	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình	15
21	Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	15
22	Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	15
23	Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	15
24	Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	15
25	Bộ thẻ tranh các gương mặt cảm xúc cơ bản (GV)	2
26	Bộ thẻ tranh các gương mặt cảm xúc cơ bản (HS)	15
Thiết bị lớp 2		
27	Bộ đồ dùng học Toán dành cho học sinh	64
28	Bộ đồ dùng dạy Toán dành cho giáo viên	4
29	Bộ thiết bị dạy phép tính dành cho lớp 2,3	2
30	Mẫu chữ dạy Tập viết	1
31	Bộ chữ dạy tập viết	2
32	Hộp cân 5kg	3
33	Hộp cân 2kg	2
34	Tranh Tự Nhiên- Xã hội	1
35	Tranh Thủ công	1
36	Bộ dụng cụ hòa nhập	3

Thiết bị lớp 3		
37	Bộ mẫu chữ viết trong trường TH	2
38	Bộ mẫu chữ dạy Tập viết - Tranh giấy	1
39	Bộ chữ viết mẫu tên riêng	2
40	Bảng tiên chữ cái tiếng Việt	3
41	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	1
42	Thiết bị dạy diện tích	2
43	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	4
44	Bộ đồ dùng học Toán dành cho học sinh	66
45	Bộ đồ dùng dạy Toán dành cho giáo viên	4
46	Bộ thiết bị dạy phép tính dành cho lớp 2,3	2
47	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số lớp 3	3
48	Tranh Thủ công	3
49	Tranh Đạo đức	2
50	Tranh Tự Nhiên- Xã hội	2
51	Tranh Tiếng việt tập 1	1
52	Tranh Tiếng việt tập 2	1
53	La bàn	3
54	Ê-ke nhựa 30-40-50	5
55	Compa nhôm	5
56	Thước nhôm 0,5m	5
57	Thước nhôm 1m đẹp	5
58	Bảng cài từ tính (dùng cho GV)	5
59	Thiết bị trong dạy học về thời gian	3
60	Mô hình đồng hồ to	4
61	Mô hình đồng hồ nhỏ	5
62	Mô hình trái đất quay quanh mặt trời	2
Thiết bị lớp 4		
63	Bộ đồ dùng dạy Toán (dành cho giáo viên)	4
64	Bộ đồ dùng học toán (dành cho học sinh)	82
65	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học cho GV	2
66	Bảng mét vuông Toán (GV)	2
67	Bảng cài từ tính (dùng cho GV)	11

68	Ê-ke nhựa 30-40-50	3
69	Compa nhôm	3
70	Thước nhôm đẹp 1m	3
71	Thước nhôm đẹp 0,5m	3
72	Kính lúp	2
73	Nhiệt kế điện tử đo thân nhiệt	2
74	Tranh Tiếng việt - Tranh nhựa	1
75	Tranh Tập Làm Văn	4
76	Tranh Đạo đức	4
77	Tranh Khoa học	3
78	Tranh Lịch sử	2
79	Tranh Địa lý	2
80	Tranh Kể chuyện	3
81	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (GV)	5
82	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (HS)	82
83	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (GV)	3
84	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (HS)	42
Thiết bị lớp 5		
85	Bộ thiết bị dạy Toán (dùng cho giáo viên)	4
86	Bộ thực hành toán (dùng cho học sinh)	71
87	Tranh Tiếng Việt	1
88	Tranh kể chuyện	2
89	Tranh Lịch sử	2
90	Tranh Đạo đức	3
91	CD - Đạo đức	1
92	Tranh Khoa học	3
93	Tranh Địa lý	3
94	Ê-ke nhựa 30-40-50	7
95	Compa nhôm	7
96	Thước nhôm đẹp 1m	7
97	Thước nhôm đẹp 0,5m	7
98	Mô hình bánh xe nước	3
99	Bộ mẫu tơ sợi	25

100	Bộ lắp ráp mạch điện đơn giản	70
101	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (HS)	60
102	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (GV)	3
103	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (GV)	5
104	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (HS)	82
105	Quả cầu hành chính	5
Môn âm nhạc		
106	Đàn Ocgan	108
107	Đàn Piano	0
108	Kèn Melodion 37 phím	19
109	Trống nhựa nhỏ 2 mặt + dùi	25
110	Song loan	28
111	Thanh phách	40
112	Triangle (tam giác chuông)	18
113	Trống lục lạc	20
114	Bells Instrument	18
115	Maracas	40
116	Woodblock	3
117	Xylophone	5
118	Handbells	1
119	Mõ làm bằng gỗ + dùi	27
Thiết bị Mỹ thuật		
120	Bộ màu nghiên KT (21,8x44cm) Mỹ thuật	1
121	Hộp màu vẽ dùng cho GV	2
122	Đất nặn	4 thùng
123	Bút sáp màu	6
124	Giá vẽ	32
125	Bảng vẽ cá nhân	32
126	Bảng vẽ nhóm	2
127	Bục đặt mẫu	4
Thiết bị Thể dục		
128	Bóng đá số 4	12
129	Bóng ném số 3	6

130	Bóng rổ số 5	6
131	Bóng nhỡ da	0
132	Bóng chuyền số 3	2
133	Còi TDTT bằng nhựa	4
134	Còi TDTT bằng sắt	4
135	Dây nhảy cá nhân	30
136	Dây nhảy tập thể	30
137	Lá cờ tam giác	15
138	Cờ đuôi nheo	15
139	Vợt đánh cầu chình	30
140	Vợt cầu lông	2
141	Tấm ốp quyền	0
142	Giày ba ta	10
143	Quần áo thể thao	10
144	Lưới bóng đá	1
145	Lưới gôn bóng đá 7 người (cao 6m, rộng 2,20m)	0
146	Bộ cờ vua	6
147	Đồng hồ bấm giây	4
148	Đệm nhảy	0
149	Ghế băng Thể dục	1
150	Cột, bảng ném bóng rổ	2
151	Bộ cột đa năng	0
152	Cột bóng chuyên học sinh + lưới	1
153	Quả cầu đá 201	50
154	Cột, lưới đá cầu	2
155	Dây kéo co	2
156	Hoa	0
157	Vòng	0
158	Gậy	0
159	Năm thể thao	20
160	Bơm	2
161	Biển lật số	2
162	Đĩa nhạc tập bài tập thể dục VCD	1

163	CD - Audio thể dục	0
164	Bộ tranh về đội hình đội ngũ	4
165	Bộ tranh về các tư thế vận động cơ bản	4
Đồ dùng thí nghiệm		
166	Hộp đổi lưu	1
167	Hộp thí nghiệm vai trò ánh sáng	2
168	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	2
169	Bộ thí nghiệm sự giãn nở vì nhiệt độ của chất lỏng	4
170	Nhiệt kế	20
Thiết bị dùng chung		
171	Bảng nhóm bằng nhựa (0,4x0,6)m	5
172	Bảng nhóm bằng nhựa (400x600x0,5)mm	18
173	Bảng nhóm bằng nhựa (400x600x0,5)mm	20
174	Bảng phụ bằng nhựa (700x900x0,5)mm	5
175	Nam châm bọc sắt d=32	20
176	Nẹp treo tranh 60cm	50
177	Nẹp treo tranh 78cm	15
178	Nẹp treo tranh 85cm	0
179	Nẹp treo tranh 108cm	0
180	Nẹp treo tranh 115cm	0
181	Nẹp dẹp 83cm + 2 móc	1
182	Nẹp dẹp 108cm + 2 móc	1
183	Nẹp dẹp 101cm + 2 móc	1
184	Bục đặt mẫu	4
185	Con Rối	0
186	Bộ biển báo giao thông	12
187	Thước dây	7
188	Đài Cassette JSL	4
189	Loa di động	4
190	Máy chiếu vật thể	10
191	Thiết bị trợ giảng	2
	Cộng	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

STT	Tên sách	Lớp	Nhà xuất bản
1	Toán tập 1 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
2	Toán tập 2 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Việt tập 1 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
4	Tiếng Việt tập 2 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
5	Tự nhiên và Xã hội (Kết nối tri thức)	1,2,3	Giáo dục Việt Nam
6	Đạo đức (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc (Kết nối tri thức)	2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc (Cánh diều)	1	ĐH Sư phạm TP HCM
9	Mĩ thuật (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức)	2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm (Cánh diều)	1	ĐH Sư phạm TP HCM
12	Giáo dục thể chất (Kết nối tri thức)	2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục thể chất (Cánh diều)	1	ĐH Sư phạm TP HCM
14	Tiếng Anh (i-Learn Smart Start Student's Book)	1,2,3,4,5	ĐH Sư phạm TP HCM
15	Công nghệ (Kết nối tri thức)	3,4,5	Giáo dục Việt Nam
16	Tin học (Cùng khám phá)	3,4,6	Đại học Huế
17	Khoa học (Kết nối tri thức)	4,5	Giáo dục Việt Nam
18	Lịch sử và Địa lí (Kết nối tri thức)	4,5	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: *Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.*
- Mức độ đạt kiểm định: Trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 01 tháng 4 năm 2029

2. Danh mục các tiêu chuẩn được kiểm định

TT	Tên tiêu chuẩn	Kết quả kiểm định
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý	Đạt mức 3
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	Đạt mức 3
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	Đạt mức 3
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	Đạt mức 3
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	Đạt mức 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ tuyển sinh trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%
2	Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường	100%	100%

Tổng số học sinh theo từng khối lớp

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Số HS học buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chuyên đi	Số HS chuyển đến
1	2	62	37	52	30	62			
2	2	63	29	55	26	63	1		
3	3	81	45	61	34	81			
4	2	73	38	58	28	73	1		
5	2	55	22	46	15	55			
Tổng	11	334	171	272	133	334	2		

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; số lượng học sinh lên lớp, HS không được lên lớp (Có biểu chất lượng kèm theo)

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học:

$$100/100 \text{ HS} = 100\%$$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Có biểu tài chính kèm theo

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Nọc Vĩnh

